

Số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2018
V/v: Không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH.O, THÀNH PHỐ H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Đức Nguyên

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Th.O.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th.O, thành phố H: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th.O, thành phố H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ L số 112/2014/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2014 về việc hôn nhân và giải quyết theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 7A /2018/QĐXX-HNGĐST ngày 30 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐ-HPT ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm V M, sinh năm 1958. Có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn H L, sinh năm 1972. Có mặt

Đều trú tại: Thôn C Th, xã Đ Đ, huyện Th.O, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư: Ngô Th B, Luật sư Lâm V Qu – Công ty Luật TNHH, Đoàn luật sư Thành phố H. Ông B có mặt. Ông Qu vắng mặt có L do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn X K, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn Đ Gi, Xã Đ Đ, Huyện Th.O, Thành phố H. (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía anh M:

1- Anh Phạm V M1, sinh năm 1960;(có mặt)

2- Chị Phạm Thị X, sinh năm 1963; (vắng mặt)

3- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1966;(có mặt)

4- Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1969; (có mặt)

Tất cả các đương sự đều trú tại C Th, xã Đ Đ, huyện Th.O, H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai của anh Phạm V M thì vụ án có nội dung sau:

Anh Phạm V M và chị Nguyễn H L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, vợ chồng có cưới hỏi nhưng không có đi đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn kéo dài. Anh M đã nhiều lần làm đơn ly hôn. Nhưng nghĩ đến con nên rút đơn về để vợ chồng nuôi dạy con. Nay anh M nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, cương quyết xin ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung; cháu lớn tên Phạm K A, sinh năm 1992; cháu nhỏ tên Phạm Ng A, sinh năm 1995. Hiện hai cháu đều đã trưởng thành.

Về phân tài sản: Anh M có quan điểm.

Tài sản riêng của tôi: Nhà đất ở khu bờ giếng thôn C Th, xã Đ Đ diện tích 237.8 m² tại thửa số 205, tờ bản đồ số 5 là tài sản riêng của anh M.

Diện tích đất riêng của anh M là 100m² trên có nhà một tầng làm năm 1989.

Vào năm 1989 mẹ anh M (Bà Lê Thị Ch) làm đơn xin xã cấp đất giãn dân. UBND xã Đ Đ đã cấp cho mẹ anh M 60m², sau khi được cấp đất, mẹ anh M làm nhà mái bằng trên mảnh đất này là 70m² nhà.

Đến năm 1990. Anh M có nộp 160.000 đồng để được cấp 160m² (trong 160m² đất này đã có 60 m² được cấp trước đó). Phiếu thu tiền mang tên anh M.

Tài sản chung của vợ chồng: Đến tháng 11 năm 1991 anh M mới lấy chị L. Sau khi lấy vợ, mẹ anh M làm cho vợ chồng 40m² công trình phụ, bếp, chuồng gà. Và vợ chồng anh M ra ở riêng trên mảnh đất này từ đó cho đến nay.

Ngoài hai vợ chồng anh M và các con anh M ở trên thửa đất này ra. Không có ai ở cùng cả.

Đến năm 2005 – 2006. Vợ chồng anh M mua thêm đất xung quanh nhà, nâng tổng số lên thành diện tích 237,8m².

Năm 2004, anh M đập hết khu phụ mẹ anh M đã xây để làm nhà hai tầng như hiện nay.

Năm 2009, anh M sửa và làm tầng 2 của gian nhà 70m² mà mẹ anh M làm năm 1989.

Quan điểm của anh M về việc chia tài sản: Anh có quan điểm, Tài sản của anh có trước khi lấy chị L. Anh yêu cầu trả lại anh tất. Phần đất, nhà nào tạo dựng được sau khi lấy nhau. Thì anh M đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

Cụ thể anh M đòi trả lại anh M diện tích đất là 160m² có trước khi lấy chị L và nhà mái bằng mà năm 1989 mẹ anh M làm cho anh M.

Phần tài sản nhà đất còn lại anh M có quan điểm chia theo quy định của pháp luật.

Về thửa đất số 669, lô số 3, tờ bản đồ số 3 khu X C, thị trấn K B huyện Th.O vào năm 2007 chị Nguyễn H L mua đấu giá được đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 854640 ngày 17 tháng 10 năm 2007 mang tên hộ bà Nguyễn H L. Sau đó chị L đã chuyển nhượng sang tên cho anh Nguyễn X K (em trai chị L) vào ngày 28 tháng 10 năm 2007.

Anh M có quan điểm rút yêu cầu đối với thửa đất này. Không yêu cầu tòa án xem xét.

Đối với các anh, chị Phạm V M1, sinh năm 1960; Phạm Thị H1, sinh năm 1967; Phạm Thị H, sinh năm 1965; Phạm Thị X, sinh năm 1963.

Anh M khẳng định các em tôi có tên trên không có quyền lợi, nghĩa vụ gì về tài sản tại ngôi nhà và quyền sử dụng đất trên mảnh đất 205 tờ bản đồ số 5 thôn C Th, xã Đ Đ.

Về công nợ chung: Chúng tôi không có nợ ai.

Án phí: Tôi tự nguyện chịu án phí LHST.

*Quan điểm của chị **Nguyễn H L:***

Về tình cảm: Tôi vẫn mong muốn anh M về đoàn tụ với vợ con.

Về con chung: Có hai con. Hiện hai cháu đều đã trưởng thành.

Tài sản chung: Vào năm 1992. Mẹ chồng tôi giao cho Vợ chồng tôi căn nhà mái bằng một tầng 60m² tại khu bờ giếng thôn C Th, xã Đ Đ.

Qua trình ở đây. Tôi và anh M mua thêm đất và làm nhà như diện tích bây giờ.

Tôi có quan điểm về tài sản chung: Tôi chỉ muốn giữ cho con tôi. Không đồng ý chia tài sản.

Về thửa đất mua bán đấu giá tại thửa đất số 669, tờ bản đồ số 03 khu X C, thị trấn K B. Đây là tài sản của em trai Tôi tên là Nguyễn X K. Không liên quan đến tài sản của hai vợ chồng.

Về công nợ chung: Không có nợ ai.

Ý kiến của Anh Phạm V M1, sinh năm 1960; Chị Phạm Thị X, sinh năm 1963; Chị Phạm Thị H, sinh năm 1966; Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1969; đều có ý kiến: Đất của mẹ tôi cho anh M thì đề nghị trả cho anh M. Chúng tôi không có yêu cầu gì về công sức trong thửa đất này.

Anh Nguyễn X K có ý kiến: Về thửa đất mua bán đấu giá tại thửa đất số 669, tờ bản đồ số 03 khu X C, thị trấn K B. Đây là tài sản của Tôi (Nguyễn X K) Tôi nhờ chị tôi mua đấu giá hộ, do lúc đó tôi đang đi lao động tại Hàn Quốc. Không liên quan đến tài sản của hai vợ chồng chị H và anh M.

Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã đi thẩm định, định giá tài sản: Tại biên bản định giá tài sản ngày 28/8/2017. Hội đồng định giá tài sản đã định giá:

Về nhà: Tổng giá trị là 519.565.000 đồng.

Về đất: Có giá trị $2.500.000 \text{ đồng/m}^2 \times 237,8 \text{ m}^2 = 594.500.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa hôm nay, anh M vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày ở trên, có quan điểm đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh M và chị L.

Chị L cũng giữ nguyên yêu cầu như trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến: Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Anh M và chị L không có đăng ký kết hôn. Cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về tài sản riêng của anh M có trước khi lấy chị L là 157m² đất tại thửa 205, tờ bản

đồ số 05 xã Đ Đ.

Về phần tài sản chung của vợ chồng, đề nghị chia theo pháp luật. Tài sản riêng của anh M trả lại cho anh M.

Đại diện viện kiểm sát có ý kiến: về thời hạn giải quyết vụ án chưa được đảm bảo theo quy định của Pháp luật.

Về phần chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng chưa đảm bảo theo quy định.

Về phần nội dung: áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng.

Việc chia tài sản căn cứ vào công sức đóng góp của mỗi người.

Xác định khối tài sản chung của anh M và chị L là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa 205 thôn C Th, xã Đ Đ. Trong đó tài sản hình thành trước khi anh M, chị L về chung sống với nhau là 100m² quyền sử dụng đất. UBND xã đã giao cho anh M quản L, sử dụng.

Vì vậy cần chia cho anh M quản L quyền sử dụng đất và tài sản trên đất này để đảm bảo quyền lợi cho anh M.

Chia tài sản theo Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình: Chia cho anh M nhà đất từ cầu thang ra hết đất giáp đường và một phần sân. Phần còn lại chia cho chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tình cảm: Anh Phạm V M và chị Nguyễn H L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, vợ chồng có cưới hỏi nhưng không có đi đăng ký K hôn, đã vi phạm vào Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và phù hợp với Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xét xử.

Vì vậy cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ điều theo Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Có hai con chung; cháu lớn tên Phạm K A, sinh năm 1992; cháu nhỏ tên Phạm Ng A, sinh năm 1995. Hiện hai cháu đều đã trưởng thành.

[3] Tài sản:

[3.1] Tài sản riêng: Xác định một phần diện tích là 100 m^2 đất tại thửa đất số 205, tờ bản đồ số 5 thôn Đ Đ được tạo dựng từ năm 1989 và nhà mái bằng là tài sản riêng của anh Phạm V M.

[3.2] Tài sản chung: Nhà đất tại thửa đất số 205, tờ bản đồ số 5 diện tích $237,8\text{ m}^2$ thôn Đ Đ, huyện Th.O là tài sản chung do anh M và chị L tạo dựng được. Trong đó có một phần tài sản riêng của anh M tạo dựng được từ trước.

Vì vậy khi chia tài sản cần xem xét đến quyền lợi, công sức đóng góp của từng người trên cơ sở tính giá trị theo giá hiện hành theo quyết định của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự và xem xét đến yếu tố sinh lợi của đất.

Xét công sức đóng góp của anh M có công sức lớn hơn của chị L (do tạo dựng được một phần đất và nhà trên đất trước khi lấy chị L). Cần giao cho anh M diện tích nhà và đất ở phía giáp mặt đường trục Liên xã. Có giá trị sinh lời cao.

Cụ thể: Phần nhà đất mà anh M được hưởng:

Chia nhà từ gian nhà ngoài kéo dài hết phần cầu thang và một phần đất ở sân với chiều rộng 1,5m kéo dài từ phần đất hết cầu thang nhà ra đến điểm góc của gian nhà ngoài (gian tiếp giáp ngõ đi).

Tổng giá trị nhà anh M được chia là: 313.763.000 đồng.

Tiền đất: tổng $80,86\text{ m}^2 \times 2.500.000$ đồng = 202.150.000 đồng.

Tổng tiền anh M chia là: 515.913.000 đồng.

Cụ thể: Phần nhà đất của anh Phạm V M được chia được giới hạn từ điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1.

(có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Phần nhà đất mà chị Nguyễn Thị H L được hưởng:

Gian nhà hai tầng sau khu cầu thang; nhà bếp; khu vệ sinh; bể nước; sân đổ bê tông, lán tạm, tường bao phía sau nhà; một phần ban công; Cổng ra vào.

Tổng giá trị nhà và công trình trên đất chị L được hưởng là: 205.802.000 đồng.

Về đất: Toàn bộ phần đất còn lại tại thửa 205 là: $156,94\text{ m}^2 \times 2.500.000$ đồng/ m^2 = 392.350.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là nhà đất và công trình trên đất chị L được hưởng là: 598.152.000 đồng.

Chị L phải tự tạo cầu thang đi lên gian nhà tầng hai trên phần nhà đất của mình được chia.

Cụ thể: Phần nhà đất chị L được sử dụng được giới hạn từ các điểm: 3,4,5,6,7,8,9,16,15,14,13,12,3.

(có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Không bên nào phải thanh toán phần chênh lệch cho nhau.

Chị L có quyền đi chung cầu thang lên tầng hai trong thời gian 6 tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để có thời gian tạo dựng cầu thang mới lên tầng hai của phần gian nhà của chị được chia..

Các bên phải làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

[4] Công nợ chung: Vợ chồng không có.

Về thửa đất số 669, lô số 3, tờ bản đồ số 3 khu X C, Thị trấn K B huyện Th.O vào năm 2007 chị Nguyễn H L mua đấu giá được đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 854640 ngày 17 tháng 10 năm 2007 mang tên hộ bà Nguyễn H L. Sau đó chị L đã chuyển nhượng sang tên cho anh Nguyễn X K (em trai chị L) vào ngày 28 tháng 10 năm 2007.

Chị L trình bày đây là tài sản của anh Nguyễn X K nhờ chị đứng tên mua hộ và xuất trình các chứng cứ chứng M1 nguồn tiền của anh K gửi về để nhờ chị L mua đất. Không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng.

Anh M có quan điểm rút yêu cầu đối với thửa đất này. Không yêu cầu tòa án xem xét. Vì vậy Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm V M phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001684 ngày 08/10/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th.O.

Anh M phải nộp 24.636.000 đồng án phí chia tài sản.

Chị L phải nộp 27.926.000 đồng án phí chia tài sản.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9;14, 15, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147; 227; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm V M và chị Nguyễn H L

2. Về con chung: Có hai con chung; cháu lớn tên Phạm K A, sinh năm 1992; cháu nhỏ tên Phạm Ng A, sinh năm 1995. Hiện hai cháu đều đã trưởng thành.

3. Tài sản chung: Xác định: Nhà đất tại thửa đất số 205, tờ bản đồ số 5 diện tích 237,8m² thôn Đ Đ, huyện Th.O là tài sản chung do anh Phạm V M và chị Nguyễn H L tạo dựng được (Trong đó có 100 m² đất tại thửa đất số 205, tờ bản đồ số 5 thôn Đ Đ được tạo dựng từ năm 1989 và nhà mái bằng tài sản do anh M tạo dựng được từ trước).

3.1 Phân tài sản mỗi bên được hưởng:

Phần nhà đất mà anh Phạm V M được hưởng.

Chia nhà từ gian nhà ngoài kéo dài hết phần cầu thang và một phần đất ở sân với chiều rộng 1,5m kéo dài từ phần đất hết cầu thang nhà ra đến điểm góc của gian nhà ngoài (gian tiếp giáp ngõ đi).

Tổng giá trị nhà anh M yêu cầu là: 313.763.000 đồng.

Tiền đất: tổng 80,86m² x 2.500.000 đồng = 202.150.000 đồng.

Tổng tiền anh M yêu cầu là: 515.913.000 đồng.

Cụ thể: Phần nhà đất của anh Phạm V M được chia được giới hạn từ điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1.

(có sơ đồ cụ thể kèm theo)

Phần nhà đất mà chị Nguyễn Thị H L được hưởng:

Gian nhà hai tầng sau khu cầu thang; nhà bếp; khu vệ sinh; bể nước; sân đổ bê tông, lán tạm, tường bao phía sau nhà; một phần ban công; Cổng ra vào.

Tổng giá trị nhà và công trình trên đất chị L được hưởng là: 205.802.000 đồng.

Về đất: Toàn bộ phần đất còn lại tại thửa 205 là: $156,94m^2 \times 2.500.000 \text{ đồng}/m^2 = 392.350.000 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản là nhà đất và công trình trên đất chị L được hưởng là: 598.152.000 đồng.

Chị L phải tự tạo cầu thang đi lên gian nhà tầng hai trên phần nhà đất của mình được chia.

Cụ thể: Phần nhà đất chị L được sử dụng được giới hạn từ các điểm: 3,4,5,6,7,8,9,16,15,14,13,12,3.

(có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Không bên nào phải thanh toán phần chênh lệch cho nhau.

Chị L có quyền đi chung cầu thang lên tầng hai trong thời gian 6 tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để có thời gian tạo dựng cầu thang mới lên tầng hai của phần gian nhà của chị được chia.

Các bên phải làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

4. Công nợ chung: Vợ chồng không có.

5. Về thửa đất số 669, lô số 3, tờ bản đồ số 3 khu X C, Thị trấn K B huyện Th.O vào năm 2007 chị Nguyễn H L mua đấu giá được đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 854640 ngày 17 tháng 10 năm 2007 mang tên hộ bà Nguyễn H L. Sau đó chị L đã chuyển nhượng sang tên cho anh Nguyễn X K (em trai chị L) vào ngày 28 tháng 10 năm 2007.

Chị L trình bày đây là tài sản của anh Nguyễn X K nhờ chị đứng tên mua hộ và xuất trình các chứng cứ chứng M1 nguồn tiền của anh K gửi về để nhờ chị L mua đất. Không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng.

Anh M có quan điểm rút yêu cầu đòi với thửa đất này. Không yêu cầu tòa án xem xét. Vì vậy Tòa không xem xét.

6. Về án phí: Anh Phạm V M phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001684 ngày 08/10/2014 tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Th.O.

Anh M phải nộp 24.636.000 đồng án phí chia tài sản. Được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Hoàn trả cho anh Phạm V M 47.364.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001911 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th.O.

Chị Nguyễn H L phải nộp 27.926.000 đồng án phí chia tài sản.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Nguyên đơn, bị đơn. Có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/3/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt. Có quyền làm đơn kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, Nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/3/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Có quyền làm đơn kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, Nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú và trụ sở UBND xã, Thị trấn nơi cư trú của các đương sự và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th.O.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện Th.O;
- Đương sự;
- THA huyện Th.O;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Thắng